TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **338**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn;

2. Ông Võ Hoàng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Công H1**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: A ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 24/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Công H1 chung sống với nhau từ năm 2014, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/7/2014. Cuộc sống vợ chồng cũng bình thường, không có gì xảy ra nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi nhau, không hiểu nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ngoài ra, ông H1 không lo làm ăn, lại có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác. Vì vậy, từ tháng 07/2015 cho đến nay thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Công H1.

Về con chung: Bà và ông H1 chung sống có một con chung tên Huỳnh Phạm Gia H2, sinh ngày 11/02/2014, từ khi ly thân đến nay thì con ở với bà, vì vậy khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con cùng bà, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H1.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2023, bị đơn ông Huỳnh Công H1 trình bày:

Ông và bà Phạm Thị H kết hôn năm 2014, có tổ chức đám cưới và tự tìm hiểu. Thời gian sống chung có nhiều mâu thuẫn do không cùng tiếng nói chung, vợ chồng không hòa thuận. Trong thời gian sống chung thì bà H thường xuyên bỏ đi, đỉnh điểm vào năm 2017 bà H bỏ đi và không về nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về con chung: Ông và bà H chung sống có một con chung tên Huỳnh Phạm Gia H2, sinh ngày 11/02/2014. Cháu H2 hiện đang ở với bà H, vì vậy sau khi ly hôn thì ông đề nghị tiếp tục giao con chung cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Công H1. Bị đơn có nơi cư trú tại A ấp A, xã H, huyện B, vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Do nguyên đơn bà Phạm Thị H và bị đơn ông Huỳnh Công H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 81/2014, Quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B cấp ngày 30/7/2014 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Theo trình bày của bà H và ông H1 thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tiếng nói chung, cách sống không còn hợp nhau, vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm qua, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H1 và ông H1 cũng đồng ý ly hôn với bà H.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự xác nhận của bà H và ông H1 thì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cả hai không có tiếng nói chung, sống ly thân từ nhiều năm qua. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã không đạt được, đời sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn đối với ông H1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà H và ông H1 cùng xác nhận chung sống có một con chung tên Huỳnh Phạm Gia H2, sinh ngày 11/02/2014. Hiện cháu H2 đang ở với bà H. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu H2 và ông H1 cũng đồng ý.

Theo văn bản ghi nhận ý kiến của cháu Huỳnh Phạm Gia H2 thì cháu muốn tiếp tục được sống với bà H.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Huỳnh Phạm Gia H2 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[7.2] Về cấp dưỡng: Bà H không có yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con và ông H1 cũng đồng ý không cấp dưỡng, nhưng do đây là quyền lợi của con theo quy định tại Điều 107 và Điều 110 cho nên Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H1.

[8] Về tài sản chung: Bà H và ông H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà H và ông H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn ông Huỳnh Công H1 về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Công H1. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Công H1 chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 81/2014 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/7/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Công H1 cùng xác nhận chung sống có một con chung tên Huỳnh Phạm Gia H2, sinh ngày 11/02/2014, hiện cháu H2 đang ở với bà H. Giao con chung tên Huỳnh Phạm Gia H2 cho bà Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Huỳnh Công H1.

Ông Huỳnh Công H1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Công H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Công H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0042677 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị H và bị đơn ông Huỳnh Công H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Hưng Long, H. Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm